

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2017/HSST

Ngày: 12-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU - TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2017/QĐXXST-HS ngày 22/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-HS ngày 06/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc T, giới tính: Nam; sinh năm 1977 tại Bình Định; Đăng ký NKTT: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Tổ 6, khu phố L, phường K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1945; bị cáo có vợ tên Tạ Thị H, sinh năm 1978 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Ngày 04-8-2017 bị bắt tạm giữ đến ngày 13-8-2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thanh S, sinh năm: 1996; địa chỉ: Khu phố L, phường K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Lương Huỳnh N, sinh năm: 1995; địa chỉ: Khu phố L, phường K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Tạ Thị H, sinh năm: 1978; địa chỉ: Khu phố L, phường K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Trần Hoàng Th, sinh năm: 1989; địa chỉ: Khu phố 6, phường Uyên Hưng, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1990; địa chỉ: Khu phố 6, phường Uyên Hưng, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2011, Nguyễn Ngọc T và vợ là bà Tạ Thị H cùng mở tiệm tạp hóa mang tên Song Hương thuộc khu phố L, phường K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Khoảng tháng 06/2016, T đang ở tiệm tạp hóa Song Hương thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân) đến gặp trao đổi với T làm một bộ hồ sơ xin việc giả với giá là 250.000 đồng/1 bộ. T sẽ được hưởng lợi mỗi bộ hồ sơ là 20.000 đồng/1 bộ thì T đồng ý. T nhận giấy chứng minh nhân dân và 05 tấm hình 03x04 cm giao lại cho người đàn ông này để làm hồ sơ giả. Khi làm xong sẽ giao lại để T giao lại cho khách hàng đặt làm hồ sơ xin việc giả. T lưu số điện thoại 01682.684.224 của người đàn ông này là “HS Hai mục” (BL 111, 137, 138).

Khoảng 08 giờ ngày 01-8-2017, Trần Hoàng Th điều khiển xe máy chở Nguyễn Thị Thùy D (là vợ Th) đến tiệm tạp hóa Song Hương nhờ T làm hai bộ hồ sơ giả để xin việc làm thì T đồng ý nhận làm hồ sơ giả với giá 250.000 đồng/01 bộ hồ sơ. T nói để làm hồ sơ xin việc làm thì cần giấy chứng minh nhân dân bản chính cùng với 05 tấm hình màu 03x04 cm. D và Th đưa chứng minh nhân dân bản chính tên mang tên Trần Hoàng Th và Nguyễn Thị Thùy D, 10 tấm hình 03x04 cm và số tiền 250.000 đồng. Số tiền còn lại D và Th hứa khi nào làm xong sẽ trả số tiền còn lại thì T đồng ý và hẹn đến ngày 04-8-2017 sẽ đến giao hai bộ hồ sơ xin việc giả. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, lần lượt có Lương Huỳnh N và Lê Thị Tuyết N (không rõ nhân thân) đến tiệm tạp hóa Song Hương gặp T nhờ làm hồ sơ xin việc giả thì T đồng ý. T nhận chứng minh nhân dân, 05 tấm hình 03x04cm và số tiền 250.000 đồng/01 bộ hồ sơ và hẹn đến ngày 04-8-2017 sẽ giao hồ sơ. Khoảng 17 giờ cùng ngày T gọi điện thoại cho người đàn ông (không rõ nhân thân lý lịch), khoảng 18 giờ cùng ngày người đàn ông này đến gặp T nhận các giấy tờ liên quan đến việc làm hồ sơ xin việc giả (BL 139, 140).

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 04-8-2017, Th và D đến tiệm tạp hóa Song Hương để gặp T nhận hồ sơ xin việc giả nhưng chưa nhận được hồ sơ xin việc giả nên T nói Th và D ngồi chờ thì cả hai đồng ý. T dùng điện thoại gọi cho người đàn ông được lưu trong danh bạ điện thoại là “HS Hai mục”, khi gọi điện thoại thì người đàn ông kia nghe máy và kêu T đến vòng xoay Khu dân cư KT

để lấy hồ sơ. T điều khiển xe máy biển số 61G1 – 378.80 đến vòng xoay Khu dân cư KT và dừng xe ở đó thì có một bé gái khoảng 13 tuổi chạy xe đạp đến cầm 01 bịch nylon màu đen đưa cho T. T liền nhận lấy và mở bịch nylon kiểm tra thì nhìn thấy có 04 bì hồ sơ rồi T đưa cho bé gái số tiền 880.000 đồng. T về tiệm tạp hóa để giao hai bộ hồ sơ cho Th và D. Trong lúc đang giao nhận hai bộ hồ sơ xin việc giả tên Trần Hoàng Th và Nguyễn Thị Thùy D thì Đội cảnh sát hình sự Công an thị xã TU phối hợp Công an phường K tiến hành kiểm tra bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: 01 (một) Đơn xin việc, 02 (hai) Sơ yếu lý lịch, 01 (một) Đơn xin xác nhận hạnh kiểm, 01 (một) bản photo CMND tên Nguyễn Thị Thùy D, 01 (một) bản sao photo sổ hộ khẩu có tên Nguyễn Thị Thùy D có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của ông Nguyễn Minh Q chủ tịch UBND xã Tân Mỹ, huyện C, tỉnh An Giang. 01 (một) phiếu khám sức khỏe của Nguyễn Thị Thùy D có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của bà Mai Thị C. 01 (một) Đơn xin việc, 02 (hai) Sơ yếu lý lịch, 01 (một) Đơn xin xác nhận hạnh kiểm, 01 (một) bản photo CMND tên Trần Hoàng Th, 01 (một) bản sao photo sổ hộ khẩu có tên Trần Hoàng Th có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của ông Nguyễn Văn Tân chủ tịch UBND thị trấn Một Ngàn, huyện Ch A, tỉnh Hậu Giang. 01 (một) phiếu khám sức khỏe của Trần Hoàng Th có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của bà Mai Thị C (BL 2-5, 140).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU tiến hành lệnh khám xét khẩn cấp tại tiệm tạp hóa Song Hương thu giữ tài liệu liên quan đến việc làm hồ sơ xin việc giả gồm:

- 01 (một) Đơn xin việc, 02 (hai) Sơ yếu lý lịch, 01 (một) Đơn xin xác nhận hạnh kiểm, 01 (một) bản photo CMND tên Lương Huỳnh N, 01 (một) bản sao photo sổ hộ khẩu có tên Lương Huỳnh N có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của ông Huỳnh Công V chủ tịch UBND xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. 01 (một) phiếu khám sức khỏe của Lương Huỳnh N có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của bà Mai Thị C.

- 01 (một) Đơn xin việc, 02 (hai) Sơ yếu lý lịch, 01 (một) Đơn xin xác nhận hạnh kiểm, 01 (một) bản photo CMND tên Kim Thị R, 01 (một) bản sao photo sổ hộ khẩu có tên Kim Thị R có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của ông Huỳnh Minh Đ chủ tịch UBND phường LH, V, tỉnh Sóc Trăng. 01 (một) phiếu khám sức khỏe của Kim Thị R có in hình dấu tròn, tên và chữ ký của bà Mai Thị C.

Công an phường K tiến hành tạm giữ đồ vật, tài sản liên quan gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng; 01 (một) xe mô tô biển số 67G1-378.80 (do Nguyễn Ngọc T giao nộp) (BL 10).

Công an phường K lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU ra Quyết định Trưng cầu giám định số: 177/QĐ-CATU ngày 07-8-2017 về hình dấu tròn đỏ trên 04 bộ hồ sơ xin việc làm thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét khẩn cấp. Tại

Kết luận giám định số: 297/GĐ-PC45 ngày 09-8-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận giám định xác định: Hình dấu tròn trên các tờ giấy trong 04 bộ hồ sơ từ A1 đến A28 là giả được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử (BL 83,84).

Quá trình điều tra Nguyễn Ngọc T khai nhận: Vào ngày 01-8-2017 Nguyễn Ngọc T nhận làm 04 bộ hồ sơ xin việc giả cho Trần Hoàng Th, Nguyễn Thị Thùy D, Lương Huỳnh N, Lê Thị Tuyết N. Tuy nhiên ngày 04-8-2017, T chỉ nhận 03 bộ hồ sơ xin việc giả của Trần Hoàng Th, Nguyễn Thị Thùy D, Lương Huỳnh N. Riêng hồ sơ xin việc giả mang tên Kim Thị R (sinh năm 1994, HKTT: Xã LH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng), T không nhận làm. Bà R khai: Không nhờ T làm hồ sơ xin việc giả (BL119, 135-136). T khai nhận làm hồ sơ xin việc giả đến ngày bị bắt T đã nhận làm khoảng 80 bộ hồ sơ xin việc giả, thu lợi bất chính với số tiền 1.600.000 đồng (BL 140).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu trắng đỏ, biển số 67G1-378.80, số máy: 5C6H266911; số khung: C6H0GY266902 do ông Trần Thanh S (sinh năm 1996, HKTT: Xã P, huyện A, tỉnh An Giang) đứng tên đăng ký xe. Ngày 04-8-2017, bị cáo T mượn xe này của ông S sử dụng thì bị thu giữ. Ngày 29-9-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 140 trả lại xe mô tô trên cho ông S. Ông S không yêu cầu gì khác (BL 117, 132).

Đối với hành vi của người đàn ông khoảng 45 tuổi (không rõ nhân thân lý lịch) sử dụng số thuê bao 01682.684.224 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU tiếp tục điều tra xác minh xử lý.

Đối với bà Tạ Thị H là vợ của Nguyễn Ngọc T, quá trình điều tra xác định bà H không biết T nhận làm hồ sơ xin việc giả nên không xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 154/QĐ-KSĐT ngày 30-10-2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan”, theo quy định Điểm b Khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan”; áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 267; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm.**

- Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tổ tụng hình sự,

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; model SM G318HZ/DS; Số IMEL: 352465/07/564633/0 của bị cáo Nguyễn Thanh T và số tiền 1.600.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã TU.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Kim Thị R có số chứng minh: 365915831.

- Trả cho bà Lương Huỳnh N: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lương Huỳnh N có số chứng minh: 363812465.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin nhận được sự khoan hồng của Nhà nước để bị cáo có điều kiện nuôi dưỡng ba người con còn nhỏ vì bị cáo là lao động chính trong gia đình và để bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố **bị can** đối với Nguyễn Ngọc T là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an phường K lập ngày 04-8-2017 tại Tiệm tạp hóa Song Hương đối với Nguyễn Ngọc T đã có hành vi làm giả 03 bộ hồ sơ xin việc giả cho ông Trần Hoàng Th, bà Nguyễn Thị Thùy D và bà Lương Huỳnh N, giá 01 bộ hồ sơ xin việc giả là 250.000 đồng/1 bộ hồ sơ. Sau đó giao lại cho một người đàn ông không rõ lai lịch để hưởng chênh lệch 20.000 đồng/01 bộ hồ sơ. Ngoài ra, T còn khai nhận đã làm khoảng 80 bộ hồ sơ xin việc giả, thu lợi bất chính với số tiền là 1.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan” theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng hình phạt quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhận thị xã TU đã truy tố bị cáo theo Điểm b Khoản 2 của tội danh trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có cha là ông Nguyễn Ngọc Ch được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba và mẹ là Nguyễn Thị M được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi ba người con nhỏ đang trong độ tuổi đi học; bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp hoạt động chuyên môn mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Hiện nay, tình trạng làm hồ sơ, giấy tờ giả chủ yếu để người lao động xin việc làm trên địa bàn thị xã TU phát sinh ngày càng tăng đã làm ảnh hưởng đến uy tín của các Cơ quan Nhà nước. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật Hình sự nhưng vì mục đích tư lợi và thái độ coi thường pháp luật đã cố ý thực hiện. Cần thiết áp dụng đối với các bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để trừng trị, giáo dục bị cáo; đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Hội đồng xét xử đối chiếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo với tính chất mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện; xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng và đồ vật có liên quan: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; model SM G318HZ/DS; Số IMEL: 352465/07/564633/0 của bị cáo Nguyễn Thanh T, bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc với người đàn ông (không rõ lý lịch) để làm hồ sơ giả nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Giấy chứng minh nhân dân mang tên Kim Thị R có số chứng minh: 365915831 qua xác minh lấy lời khai bà Kim Thị R khai không có sử dụng giấy chứng minh nhân dân để làm hồ sơ giả nên cần tịch thu, tiêu hủy.

01 chứng minh nhân dân mang tên Lương Huỳnh N có số chứng minh: 363812465 là giấy tờ nhân thân của bà Lương Huỳnh N nên cần trả lại cho bà Như.

Số tiền 1.600.000 đồng bị cáo thu lợi từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan”.

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 267; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời hạn thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Khoản 1, Điểm a, b, d Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo nộp theo Biên lai thu tiền ngày 23-11-2017 số AA/2013/02059 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; model SM G318HZ/DS; Số IMEL: 352465/07/564633/0 của bị cáo Nguyễn Thanh T.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 chứng minh nhân dân mang tên Kim Thị R có số chứng minh: 365915831.

Trả cho bà Lương Huỳnh N 01 chứng minh nhân dân mang tên Lương Huỳnh N có số chứng minh: 363812465.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2017, giữa Công an thị xã TU và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98 và Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

Võ Thị Hồng Thêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm